

TỔNG CỤC HẢI QUAN

Số: 114/TCHQ-PC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 1 tháng 2 năm 1988

THÔNG TƯ

CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN SỐ 114/TCHQ-PC NGÀY 1-2-1988

QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC VÀ THỦ TỤC KHAI BÁO TÍNH THUẾ,

NỘP THUẾ, THU THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU

HÀNG MẬU DỊCH.

Căn cứ Nghị định số 8-HĐBT ngày 30-1-1988 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch;

Căn cứ công văn số 36-CT ngày 30-1-1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tạm thời cho áp dụng tỷ giá kết toán nội bộ hiện hành để tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch trong khi Ngân hàng Nhà nước chưa công bố tỷ giá chính thức của đồng Việt Nam so với đồng tiền nước ngoài;

Căn cứ Điều lệ Hải quan do Hội đồng Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 3-CP ngày 27-2-1960;

Căn cứ Nghị định số 139-HĐBT ngày 20-10-1984 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức Tổng cục Hải quan;

Sau khi trao đổi với các Bộ Tài chính, Ngoại thương và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Tổng cục Hải quan quy định nguyên tắc và thủ tục khai báo tính thuế, nộp thuế, thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch để các tổ chức kinh tế Việt Nam và nước ngoài được phép xuất nhập khẩu hàng hoá (dưới đây gọi là tổ chức xuất nhập khẩu) và các cấp Hải quan thực hiện.

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tất cả các tổ chức kinh tế được phép xuất khẩu, nhập khẩu khi có hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu qua biên giới Việt Nam đều phải khai báo và nộp thuế xuất khẩu hoặc thuế nhập

khẩu hàng mậu dịch tại Hải quan tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi là Hải quan tỉnh) và chịu sự kiểm tra thực tế của Hải quan cửa khẩu.

2. Muốn làm thủ tục khai báo và nộp thuế các tổ chức xuất nhập khẩu hoặc các tổ chức được Ủy thác xuất nhập khẩu (dưới đây gọi là tổ chức nộp thuế) phải nộp đủ các giấy tờ hợp lệ do Tổng cục Hải quan quy định.

Hải quan cửa khẩu cho hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu trên cơ sở được Hải quan tỉnh xác nhận hàng đã làm đầy đủ thủ tục hải quan, đã nộp đủ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch đối với hàng hoá phải chịu thuế.

II. THỦ TỤC KHAI BÁO HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU HOẶC NHẬP KHẨU ĐỂ NỘP THUẾ.

A. Trách nhiệm của tổ chức nộp thuế

Khi đến Hải quan tỉnh làm thủ tục khai báo để xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá phải:

1. Làm tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá mậu dịch:

a) Trên cơ sở giấy phép xuất hàng hoặc nhập hàng do bộ Ngoại thương, làm tờ khai xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá mậu dịch (dưới đây gọi tắt là tờ khai hàng) theo mẫu thống nhất do Tổng cục Hải quan phát hành.

Đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là thiết bị toàn bộ tuy chỉ có một giấy phép nhưng có thể có nhiều tờ khai hàng. Một tờ khai hàng cho một vận đơn, hoặc một tờ khai hàng cho nhiều vận đơn là tùy thuộc vào tình hình thực tế.

b) Tờ khai hàng mỗi lần khai phải làm thành ba bản (đối với hàng xuất khẩu) hoặc bốn bản (đối với hàng nhập khẩu) bằng tiếng Việt Nam (có thể ghi thêm chữ bằng tiếng nước ngoài) rõ ràng đầy đủ, đúng cột mục, có đủ họ, tên, chữ ký của người khai hàng.

Trong trường hợp người khai hàng và nộp thuế (gọi tắt là người khai hàng) là người đại diện có thẩm quyền của tổ chức nộp thuế thì phải có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đứng đầu tổ chức này.

2. Nộp và xuất trình các giấy tờ sau đây:

a) Đối với hàng hoá xuất khẩu:

- Phải nộp:

Giấy phép xuất hàng: 4 bản

Tờ khai xuất khẩu hàng: 3 bản

Bản kê chi tiết hàng: 2 bản

Hợp đồng bán hàng (bản sao chính thức): 1 bản

Giấy chứng nhận quy cách phẩm chất: 1 bản

- Phải xuất trình:

Giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu là hàng hoá phải kiểm dịch): 1 bản

Giấy phép của cơ quan có chức năng quản lý (văn hoá, nội vụ, ngân hàng...) nếu là các mặt hàng thuộc diện quản lý của cơ quan này: 1 bản

b) Đối với hàng hoá nhập khẩu:

- Phải nộp:

Giấy phép nhập hàng: 4 bản

Tờ khai nhập khẩu hàng: 4 bản

Bản kê chi tiết hàng: 2 bản

Hợp đồng mua hàng (bản sao chính thức): 1 bản

Giấy chứng nhận quy cách phẩm chất: 1 bản

- Phải xuất trình:

Vận đơn (bản chính thức): 1 bản

Giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu là hàng phải kiểm dịch): 1 bản

Giấy phép của các cơ quan có chức năng quản lý (văn hoá, nội vụ...) nếu là các mặt hàng thuộc diện quản lý của các cơ quan này: 1 bản.

c) Không có trường hợp nào người khai hàng được nộp thiếu hoặc làm giấy cam đoan nộp và xuất trình sau các giấy tờ quy định ở các tiết a, b thuộc điểm 2 nói trên.

3. Hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu có thể làm thủ tục khai báo và nộp thuế tại bất cứ Hải quan tỉnh nào mà tổ chức nộp thuế thấy thuận tiện nhất.

B. Trách nhiệm của hải quan tỉnh

Sau khi tiếp nhận và kiểm tra tờ khai hàng, giấy phép xuất hàng hoặc nhập hàng và các giấy tờ khác kèm theo, nếu thấy hợp lệ phải đóng dấu "ngày tiếp nhận" vào khung giữa phía trên trang đầu tờ khai hàng, đồng thời ghi vào khung bên trái trang đầu tờ khai hàng số, ngày, giờ, và nơi đăng ký tờ khai hàng.

III. VIỆC TÍNH THUẾ, THU THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU HÀNG MẬU DỊCH

A. Trách nhiệm của hải quan tỉnh

1. Tính thuế:

Việc tính thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch dựa trên tờ khai hàng đã được vào sổ "đăng ký tờ khai hàng".

a) Căn cứ để tính thuế:

- Số lượng từng mặt hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu ghi trong tờ khai hàng.
- Giá tính thuế bằng đồng Việt Nam.
- Thuế suất nhóm hàng, mặt hàng ghi trong biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch.

b) Cách tính thuế:

- Số thuế xuất khẩu hoặc thuế nhập khẩu phải nộp bằng (=) số lượng từng mặt hàng hoá nhân (x) với giá tính thuế nhân (x) với thuế suất nhóm hàng, mặt hàng ghi trong biểu thuế kèm theo Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mậu dịch. Trong đó:

- Lượng hàng hoá. Được ghi theo đơn vị số lượng, và trọng lượng phù hợp với từng mặt hàng hoá.

- Giá tính thuế. Không tính bằng tiền nước ngoài mà tính bằng đồng Việt Nam như sau:

Giá tính thuế xuất khẩu là giá bán tại cửa khẩu đi bằng tiền nước ngoài theo hợp đồng nhân (x) với tỷ giá giữa đồng Việt Nam với tiền nước ngoài, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

Giá tính thuế nhập khẩu là giá mua tại cửa khẩu đến bằng tiền nước ngoài, kể cả phí vận tải, phí bảo hiểm theo hợp đồng nhân (x) với tỷ giá giữa đồng Việt Nam với tiền nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

- Trong trường hợp mua và bán theo các phương thức khác thì người khai hàng phải xuất trình các chứng từ hợp lệ để chứng minh.

(Ví dụ: Nếu nhập theo phương thức FOB thì phải xuất trình các chứng từ I và F; nếu nhập theo phương thức CF thì phải xuất trình chứng từ I...); nếu các chứng từ này chưa đủ điều kiện

để định giá tính thuế thì tùy theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào giá do Bộ Ngoại thương xác định.

- Trong trường hợp mua và bán không có hợp đồng cụ thể thì căn cứ giá ghi trên các chứng từ hợp lệ được Bộ Ngoại thương xác nhận.

c) Thời điểm áp dụng tỷ giá giữa đồng Việt Nam với tiền nước ngoài là tỷ giá hiện hành do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố và thuế suất áp dụng là thuế suất hiện hành trong biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mẫu dịch được Hải quan tỉnh đăng ký tờ khai hàng.

d) Trong thời hạn tám (8) giờ làm việc kể từ khi đăng ký tờ khai hàng phải tính thuế xong để thông báo chính thức cho người khai hàng biết.

2. Việc thu thuế:

a) Căn cứ vào số thuế phải nộp ghi trên thông báo chính thức khớp với số thuế ghi trên "Séc chuyển khoản" của tổ chức nộp thuế thì mới viết biên lai thu thuế (3 liên).

b) Thu "Séc chuyển khoản" và đóng dấu "đã thu tiền" trên biên lai thu thuế (3 liên).

3. Việc nộp thuế thu được vào ngân sách Nhà nước:

Sau mỗi ngày:

a) Lập bản kê số "Séc chuyển khoản" và tiền mặt (nếu có) thu được trong ngày theo từng tổ chức nộp thuế cùng chung trong mục lục ngân sách Nhà nước.

b) Lập "Giấy nộp tiền" (có phân tích khoản, hạng mục) để nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mẫu dịch thu được trong ngày và Ngân hàng Nhà nước ở địa phương (kèm theo bản kê số "Séc chuyển khoản" và tiền mặt (nếu có) thu được trong ngày).

B. Trách nhiệm của tổ chức nộp thuế:

1. Phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng mẫu dịch cho Hải quan tỉnh bằng "Séc chuyển khoản" trong thời hạn 72 giờ, tức 3 ngày làm việc (không kể ngày lễ và chủ nhật), kể từ khi nhận được thông báo chính thức số thuế phải nộp. Nếu số thuế từ một nghìn (1.000) đồng trở xuống thì có thể nộp bằng tiền mặt.

2. Nếu chậm nộp thuế, mỗi ngày nộp thuế chậm bị phạt 5 phần nghìn (0,5%) trên số thuế nộp chậm.